

Bản án số: 293/2020/HS-PT
Ngày 29 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 721/2019/TLPT-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Trần Minh L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Cường Thành T, Nguyễn Hoàng S và Trần Văn H1 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự số 379/2019/HS-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Minh L, sinh năm 1973; tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi thường trú: Số 23 Đường V, Phường 7, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 180/2 đường N, Phường 7, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới Th: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Chủ tịch HĐQT Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ Phú Mỹ; con ông Trần Minh Quốc và bà Nguyễn An Phước; bị cáo có vợ là Trần Ngọc Phương Dung và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tạm giam từ ngày 08/7/2016 (có mặt).

2. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1978; tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi thường trú: Xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang; chỗ ở: 32/16 đường K, Phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới Th: Nữ; tôn giáo: Đạo Cao Đài; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Giám

đốc Công ty TNHH XNK Bảo Trí; Kế toán trưởng Công ty TNHH Giao nhận ABC Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đường và bà Nguyễn Kim Giàu; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 22/12/2017; bắt lại ngày 17/12/2019 (có mặt).

3. Nguyễn Văn Kh, (Th) sinh năm 1966; tại tỉnh Đồng Tháp;

Nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: 16 Ba Vì, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới Th: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 4/10; nghề nghiệp: Lái xe, Thành viên Công ty TNHH DCL; con ông Nguyễn Quang Lanh (Liệt sỹ) và bà Trịnh Thị Năm; bị cáo có vợ là Huỳnh Kim Dung và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 22/12/2017; bắt lại ngày 20/12/2019 (có mặt).

4. Nguyễn Cường Thành T, sinh năm 1988; tại tỉnh Thừa Thiên Huế;

Nơi thường trú: Xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: 434/32/41 đường P, Phường 9, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới Th: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Tự do; con ông Nguyễn Cường Thành Hiếu và bà Đỗ Thị Thương; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Quỳnh Như và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2017 đến ngày 10/10/2017; bắt lại ngày 03/01/2020 (có mặt).

5. Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1961; tại Thành phố Hà Nội;

Nơi thường trú: 239/B46 đường C, Phường 4, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 25 đường H, Phường 2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới Th: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức; con ông Nguyễn Cao Thăng và bà Huỳnh Anh Nga; bị cáo có vợ là Lê Kim Hoa (đã ly hôn năm 1993), vợ thứ hai Nguyễn Thúy Hà (ly hôn năm 2005) và có 02 con lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2017 đến ngày 22/12/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Trần Văn H1, sinh năm 1965; tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi thường trú: 77/12B đường Q, Phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 53/3G đường N, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc

tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới Th: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Công chức hải quan; chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; con ông Trần Văn Diệu và bà Đoàn Thị Chiến; bị cáo có vợ là Trần Thị Ngọc Trân và có 02 con lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

+ Ông Hoàng Minh Phương - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Trần Minh L, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H (có mặt).

+ Ông Lê Minh Nhựt, bà Nguyễn Tuyết Ngọc - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Kh (có mặt).

+ Ông Đỗ Hải Bình - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Cường Thành T (có mặt).

+ Ông Uk Sei Ha - Luật sư, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hoàng S (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Hành vi buôn lậu của Trần Minh L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Văn Kh và Nguyễn Cường Thành T đối với hàng điện tử, hàng điện lạnh đã qua sử dụng.

Tháng 3/2013, Trần Minh L thành lập Công ty TNHH Giao nhận ABC Việt Nam (Công ty ABC) kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. L thuê Nguyễn Trung Kiệt (con trai của Nguyễn Văn Kh, lái xe của L) đứng tên Giám đốc Công ty; giao cho Nguyễn Thị Ngọc H làm thủ tục thành lập Công ty và giữ chức vụ kế toán; sử dụng nhà riêng tại số 23 Đường V, Phường 7, quận T, TP. Hồ Chí Minh làm trụ sở chính của Công ty. Tháng 3/2015, L chỉ đạo Hà và Kh làm thủ tục thành lập Công ty TNHH DCL (Công ty DCL); thuê Huỳnh Kim Dũng (em vợ Kh) đứng tên Giám đốc, Kh là thành viên góp vốn, Hà mạo danh Huỳnh Kim Dũng để ký các giấy tờ pháp lý của Công ty. Mọi hoạt động của 02 công ty này do L chỉ đạo, điều hành.

Tháng 8/2014, Nguyễn Cường Thành T thành lập Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Jos T Nguyễn (Công ty Jos T Nguyễn) và đứng tên giám đốc. Ngày 18/7/2015, T làm thủ tục đăng ký thay đổi chủ sở hữu Công ty, lấy tên Huỳnh Kim Dũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhưng thực chất T

vẫn là chủ sở hữu, điều hành mọi hoạt động của Công ty, ký mạo danh Huỳnh Kim Dũng trên các giấy tờ pháp lý của Công ty.

Khoảng tháng 7/2015, sau khi mua gom hàng hóa tại Nhật Bản (L và đồng phạm khai chủ hàng không xác định được), thuê hãng tàu vận chuyển về Việt Nam, L chỉ đạo H sử dụng pháp nhân Công ty ABC khai báo Bản khai hàng hóa để nhập khẩu 12 cont' hàng hóa (cấm nhập khẩu) cho các công ty: DLC và Cao Dương, Khải Lợi (T cung cấp thông tin pháp lý hai công ty Cao Dương, Khải Lợi cho H). T cung cấp thông tin cho hãng tàu T.S. Lines khai báo Bản khai hàng hóa nhập khẩu 06 cont' hàng (cấm nhập khẩu) cho các công ty Jos T Nguyễn, DCL. Để che giấu hành vi nhập khẩu trái phép, H và T đã khai báo hải quan, cung cấp thông tin cho hãng tàu T.S. Lines khai báo hải quan hàng hóa nhập khẩu là các loại hàng được phép nhập khẩu, như: Máy móc cũ thuộc diện được nhập khẩu, bột cao lanh, giấy dán tường, bột đất sét,... .

Từ ngày 21/8/2015 đến ngày 25/9/2015, hãng tàu T.S. Lines vận chuyển 18 cont' hàng hóa của L, T và đồng Phạm từ Nhật Bản về Việt Nam qua các Cảng tại TP. Hồ Chí Minh; gửi hàng là các công ty Nhật Bản (không xác định được), nhận hàng là các công ty DCL (11 cont'), Cao Dương (02 cont'), Khải Lợi (02 cont'), và Jos T Nguyễn (03 cont'). Toàn bộ hàng hóa trong 18 cont' gồm: điều hòa, máy giặt, tủ lạnh, nồi cơm điện đã qua sử dụng (thuộc hàng cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam). Trong quá trình giám sát hải quan, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh phát hiện vi phạm và tạm giữ toàn bộ hàng hóa trong 18 cont' để xử lý. Sau khi biết Hải quan phát hiện số hàng hóa nhập khẩu trái phép nêu trên, để trốn tránh trách nhiệm, L và T thống nhất tự tạo lý do các Công ty ở Nhật Bản đã gửi nhầm hàng, đồng thời giao cho T làm thủ tục xuất trả lại hàng.

Ngày 16/10/2015, T đã dự thảo 03 “Công văn xin xuất trả hàng” gửi các Chi cục hải quan, Giám đốc các cảng Sài Gòn khu vực 1, 4 và Hiệp Phước với nội dung đề nghị cơ quan Hải quan, Giám đốc các cảng cho phép doanh nghiệp xuất trả lại các lô hàng cho đối tác đã gửi nhầm. Ngày 04/11/2015, T gửi cho Hà qua hộp thư điện tử các văn bản này để Hà hoàn tất thủ tục ký, đóng dấu gửi cho cơ quan Hải quan.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, trị giá 18 cont' hàng hóa phạm pháp là 9.540.976.264 đồng. Theo đó L, H và Kh chịu trách nhiệm đối với 12 cont' hàng hóa vi phạm có trị giá 6.949.843.000 đồng. T chịu trách nhiệm đối với 06 cont' hàng hóa vi phạm có trị giá tổng cộng 5.192.203.000 đồng (trong đó chịu trách nhiệm đồng phạm với L số hàng hóa có trị giá 2.736.313.000 đồng và trực tiếp chịu trách nhiệm số hàng hóa có trị giá 2.815.910.000 đồng).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo L, H, Kh và T thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện. Bị can T tự nguyện nộp 10.000.000 đồng thu lợi. Các bị cáo khai chủ hàng lậu là 02 người đàn ông tên Quốc, Hưng kết quả điều tra xác định tên là Nguyễn Phương L, Nguyễn Phương Th và Phạm Việt Đ (Công chức Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh) là chủ hàng và có liên quan đến việc nhập khẩu hàng lậu đã thuê các bị cáo làm dịch vụ nhập khẩu với giá 1.000.000 đồng/01 cont' hàng hóa. Tuy nhiên, kết quả điều tra không xác định được chủ hàng theo các bị cáo đã khai, không đủ căn cứ kết L, xử lý đối với Nguyễn Phương L, Nguyễn Phương Th và Phạm Việt Đ.

2. Hành vi buôn lậu của Trần Minh L và Nguyễn Thị Ngọc H đối với hàng hóa thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, phụ gia và hóa chất tẩy rửa.

Năm 2015, Trần Minh L liên hệ với vợ chồng Đặng Xuân Thảo, Trần Lê Phương Duyên (Việt kiều định cư tại Nhật Bản) để nhập khẩu hàng hóa là thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, phụ gia và hóa chất tẩy rửa từ Nhật Bản về Việt Nam tiêu thụ. Sau khi mua gom hàng hóa tại Nhật, vợ chồng Thảo, Duyên thuê hãng tàu vận chuyển về Việt Nam, cập cảng Cát Lái ngày 21/12/2015. Để nhập khẩu số hàng hóa trên, theo chỉ đạo của L, H đã sử dụng pháp nhân Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Hà S (Công ty Nam Hà S) để đăng ký tờ khai hải quan, lập hợp đồng ngoại (sales contract), hóa đơn thương mại (commercial invoice), phiếu liệt kê hàng hóa (packing list) và các chứng từ pháp lý khác, đồng thời ký giả tên người bán hàng trên các chứng từ, tài liệu để hợp thức hồ sơ nhập khẩu; H giao cho Kh và Tôn Thất Thanh Tùng làm thủ tục hải quan. Ngày 27/12/2015, khi hàng hóa đang được vận chuyển về kho hàng của Công ty Cổ phần vật tư Bưu điện tại số 270 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm kinh tế và chức vụ Công an Quận 10 phát hiện bắt giữ, bàn giao cho Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an xử lý.

Kết quả điều tra xác định: Lô hàng có 111 mặt hàng, trong đó có 05 mặt hàng Công ty Nam Hà S kê khai trên tờ khai hải quan, trị giá hàng hóa kê khai là 791.387.110 đồng; 96 mặt hàng còn lại không khai báo trên tờ khai hải quan. Kết L định giá tài sản số 2591/STC-HĐĐGTS-BVG ngày 03/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh xác định lô hàng có tổng trị giá 7.198.652.000 đồng. Như vậy, trị giá hàng hóa phạm pháp không khai báo nhập khẩu trái phép là 6.407.264.890 đồng (7.198.652.000 - 791.387.110).

3. Hành vi buôn lậu hàng hóa là thực phẩm dinh dưỡng Ensure và hành vi đưa hối lộ của Trần Minh L, Nguyễn Thị Ngọc H và Nguyễn Văn Kh; hành

vi nhận hối lộ của Nguyễn Hoàng S; lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Trần Văn H1.

Năm 2010, Trần Minh L thành lập Công ty TNHH XNK Bảo Trí để nhập khẩu hàng hóa từ Mỹ về Việt Nam tiêu thụ. Công ty do L chỉ đạo, điều hành; Nguyễn Thị Ngọc H là Giám đốc, chịu trách nhiệm về thủ tục hải quan, mua bán hàng hóa; Nguyễn Văn Kh lái xe cho L, được tham gia quản lý, giao nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan cho Công ty. Nguồn hàng nhập khẩu, L thỏa thuận mua của người quen tên Nga Natalie định cư tại Mỹ (Cơ quan điều tra không xác định được) thông qua 02 công ty tại Mỹ là Dat Nguyen và Blue Ocean Express. H và Kh được L giao hợp thức hồ sơ, thủ tục nhập khẩu, thanh toán tiền mua hàng, đem hàng đi tiêu thụ.

Từ ngày 29/4/2014 đến 04/6/2014, Công ty Bảo Trí nhập khẩu 09 cont' hàng hóa của các công ty Blue Ocean Express và Dat Nguyen; làm thủ tục hải quan tại cảng Cát Lái, Thành phố. Hồ Chí Minh, mở 09 tờ khai hải quan; đăng ký và làm thủ tục kiểm tra Nhà nước về an toàn thực phẩm tại Trung tâm 3. Hàng hóa nhập khẩu có nhiều loại khác nhau, gồm: Thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng, bút bi, đá bọt lửa, giấy. Trong đó có thực phẩm dinh dưỡng Ensure ghi nhãn “*Not to be sold in Vietnam or Mexico*” chưa được Cục an toàn thực phẩm (ATTP) cấp “Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm” theo quy định. L đã chỉ đạo, giao cho H, Kh làm thủ tục hải quan, đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa. H đã khai báo, mở tờ khai hải quan, tự lập hợp đồng ngoại (sales contract), hóa đơn thương mại (commercial invoice), phiếu liệt kê hàng hóa (packing list), các chứng từ khác và ký mạo danh tên người bán hàng (Natalie Tran, Nguyen Dat) trên các chứng từ, tài liệu hàng hóa để hợp thức hồ sơ nhập khẩu, ký giấy giới thiệu cho Kh là đại diện Công ty Bảo Trí liên hệ làm các thủ tục liên quan. Sau đó, Kh đem hồ sơ (do Hà chuẩn bị) đến Trung tâm 3 và Chi cục Hải quan Cảng Sài Gòn khu vực 1 (sau đây gọi là Chi cục Hải quan Cát Lái) làm thủ tục hải quan, thủ tục kiểm tra Nhà nước về an toàn thực phẩm và nộp thuế nhập khẩu cho Công ty Bảo Trí để nhập hàng. Toàn bộ hàng hóa đã được Trung tâm 3 và Chi cục Hải quan Cát Lái giải quyết, bàn giao cho doanh nghiệp đem hàng về kho để bảo quản, làm thủ tục kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trước khi được xem xét thông quan.

Tuy nhiên, sau khi được cơ quan Hải quan cho Công ty đem hàng về kho để bảo quản, chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành và làm thủ tục thông quan, thì L, H và Kh đã đem toàn bộ số thực phẩm là sữa Ensure ghi nhãn “*Not to be sold in Vietnam or Mexico*” nêu trên bán cho vợ chồng Nguyễn Huệ Hà và Phạm Ngọc Hạnh (cửa hàng Hạnh sữa tại Trung tâm thương mại Lý Thường Kiệt, Quận 10,

Tp. Hồ Chí Minh). Do việc mua bán tiến hành nhiều lần, không có hóa đơn, các bên mua bán không có sổ sách theo dõi cụ thể, nên kết quả điều tra không xác định được tổng số tiền các bị cáo đã thu được sau khi bán. Trị giá hàng hóa vi phạm được xác định theo trị giá hải quan là 3.133.711.880 đồng.

Ngoài ra, khi đăng ký, nộp hồ sơ để kiểm tra Nhà nước về an toàn thực phẩm đối với hàng hóa thuộc các tờ khai hải quan, L chỉ đạo H, Kh sử dụng “Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm” của Cục ATTP đã cấp cho Công ty Bảo Trí từ năm 2013 cho loại sản phẩm dinh dưỡng cùng loại nhưng khác nhau về ghi nhãn hàng hóa. Sau khi tiếp nhận, đăng ký, lấy mẫu kiểm tra, Trung tâm 3 xác định các lô hàng đều có mặt hàng thực phẩm Ensure ghi nhãn “*Not to be sold in Vietnam or Mexico*” không đúng với “Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm” về nội dung ghi nhãn và thành phần của sản phẩm. Trong các ngày 10, 11/6/2014, Trung tâm 3 đã ban hành các công văn số 1242, 1244, 1256 và 1258 gửi Chi cục Hải quan Cát Lái và Công ty Bảo Trí, nêu rõ lý do không cấp Giấy xác nhận đạt yêu cầu nhập khẩu và yêu cầu Công ty Bảo Trí liên hệ với Cục ATTP để đăng ký bổ sung loại sản phẩm và nhãn mới vào Bảng thông tin chi tiết sản phẩm; Trung tâm 3 sẽ thực hiện các bước tiếp theo liên quan đến việc cấp Giấy xác nhận đạt yêu cầu nhập khẩu cho lô hàng ngay khi nhận được thông tin bổ sung từ Cục ATTP. Đến cuối tháng 6/2014, do chưa được cấp Giấy xác nhận đạt yêu cầu nhập khẩu cho các lô hàng, L đã đến Trung tâm 3 gặp Trần Thị Hà Chi, Trưởng phòng nghiệp vụ 3 (L có quen biết Chi và Hoàng Lâm từ trước) để nhờ giúp đỡ cấp “Giấy xác nhận đạt yêu cầu nhập khẩu” cho các lô hàng. Chi đã chỉ đạo Trần Tường Văn (nhân viên kiểm định Trung tâm 3) soạn văn bản, đề xuất để Hoàng Lâm ký. Ngày 26/6/2016 Lâm đã ký “Giấy xác nhận đạt yêu cầu nhập khẩu” cho các lô hàng thuộc 02 tờ khai 81311, 81320 để Công ty Bảo Trí hợp thức thủ tục và được cơ quan Hải quan thông quan hàng hóa (Hoàng Lâm đã bị xử lý về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”, theo quy định tại Khoản 1, Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999, tuy nhiên sau đó Viện kiểm sát nhân dân Tối cao có Quyết định đình chỉ điều tra, miễn trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 1 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015, do xác định hành vi của Lâm đến thời điểm truy tố có sự thay đổi chính sách pháp luật, nên hành vi của Lâm không còn nguy hiểm cho xã hội).

Trong quá trình kiểm soát hải quan nhập khẩu đối với hàng hóa của Công ty Bảo Trí, Chi cục Hải quan Cát Lái đã phân công Nguyễn Hoàng S, Trần Văn H1 và một số người khác là Công chức Hải quan Đội thủ tục hàng hóa thực hiện nhiệm vụ. Theo quy định, khi thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa là thực phẩm nhập khẩu, công chức Hải quan được phân công có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra

hàng hóa, giải quyết cho doanh nghiệp đưa hàng hóa về kho bảo quản và làm các thủ tục để thông quan hàng hóa; việc thông quan được thực hiện trên hệ thống dữ liệu hải quan điện tử và hồ sơ giấy khi đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

Quá trình làm thủ tục hải quan, vì muốn công chức hải quan tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình kiểm hóa, cho doanh nghiệp đưa hàng về kho để bảo quản chờ kết quả kiểm tra chuyên ngành, bỏ qua các lỗi vi phạm khi thực hiện thủ tục hải quan. Vì biết Nguyễn Hoàng S được phân công kiểm hóa, trong các ngày 06/5/2014 và 04/6/2014, L đã chỉ đạo H chuẩn bị 90.000.000 đồng đưa cho Kh để chi cho công chức hải quan được phân công kiểm hóa. Kh đem hồ sơ, tiền do H chuẩn bị đưa S là người được phân công kiểm hóa 02 tờ khai số 86308 và 86310 cùng với H. Kh đã gọi điện và gặp S tại phòng làm việc của S tại cảng Cát Lái. Tại đây, Kh đưa cho S toàn bộ số tiền 90.000.000 đồng; khi đưa tiền, Kh có nói Công ty Bảo Trí chi tiền “bồi dưỡng” để S và các bộ phận liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hải quan; S hiểu mục đích lời nói của Kh và đã nhận số tiền Kh đưa. Sau đó, khi làm thủ tục hải quan đối với 02 tờ khai số 86308 và 86310, S biết rõ lô hàng có nhiều loại hàng hóa khác nhau, trong đó chỉ có một phần hàng hóa được Trung tâm 3 xác nhận đạt yêu cầu nhập khẩu, số hàng hóa còn lại là thực phẩm dinh dưỡng Ensure ghi nhãn “*Not to be sold in Vietnam or Mexico*” chưa được xác nhận đạt yêu cầu nhập khẩu, chưa đủ điều kiện thông quan nhưng vì đã nhận tiền của Kh trước đó nên S đã trao đổi với H về tình trạng hàng hóa như trên, vì nể nang H thống nhất để S thực hiện thủ tục thông quan; khi đó, S đã xác nhận thông quan toàn bộ 02 tờ khai hải quan trên hệ thống thông quan điện tử và ký thông quan trên hồ sơ giấy để Công ty Bảo Trí hợp thức việc nhập khẩu hàng hóa. Riêng đối với 02 tờ khai số 66248, 66261, S và Nguyễn Thành Nhân chưa làm thủ tục thông quan.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như trên. L, H và Kh thực hiện hành vi buôn lậu vì lợi nhuận; đưa hối lộ để công chức hải quan tạo điều kiện thuận lợi khi kiểm hóa và làm thủ tục thông quan. S phạm tội vì vụ lợi, tự nhận được hưởng dụng 32.000.000 đồng; số tiền còn lại, S khai đã đưa cho H1 và các công chức hải quan khác thuộc các bộ phận liên quan (S không nhớ cụ thể đưa cho ai, bao nhiêu tiền). Cơ quan điều tra đã xác minh lời khai của S và xác định không có căn cứ kết luận H1 và các công chức hải quan khác đã nhận tiền theo như S đã khai.

Về vật chứng: Đối với 18 cont’ hàng điện tử, hàng điện lạnh đã qua sử dụng; 01 cont’ hàng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, phụ gia và hóa chất tẩy rửa, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an đã quyết định xử lý bán đấu giá, số tiền thu

được sau khi đã trừ đi chi phí còn 4.529.515.532 đồng; số hàng hóa hết hạn sử dụng, không đảm bảo an toàn thực phẩm đã tiêu hủy theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 điện thoại di động của các bị can L, Kh và T; 01 con dấu của Công ty Bảo Trí; 01 cuốn vở học sinh có xác nhận của bà Huỳnh Kim Dung; 01 cuốn sổ bì màu xám 95 trang có ký xác nhận của ông Nguyễn Thiện Sang; 42.000.000 đồng (do S nộp 32.000.000 đồng, T nộp 10.000.000 đồng);

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 379/2019/HS-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; khoản 1 Điều 364; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh L 13 (mười ba) năm tù về tội “Buôn lậu”; 01 (một) năm tù về tội “Đưa hối lộ”; Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày 08/7/2016.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; khoản 1 Điều 364; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 11 (mười một) năm tù về tội “Buôn lậu”; 09 (chín) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”; Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 11 (mười một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 22/12/2017.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; khoản 1 Điều 364; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Kh 10 (mười) năm tù về tội “Buôn lậu”; 09 (chín) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”; Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 22/12/2017.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Cường Thành T 09 (chín) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2017 đến ngày 10/10/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 354; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng S 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2017 đến ngày 22/12/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H1 02 (hai) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, từ ngày 18 đến ngày 28/10/2018 các bị cáo kháng cáo đối với Bản án hình sự số 379/2019/HS-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo Trần Minh L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Cường Thành T cho rằng các bị cáo không phạm tội “Buôn lậu” yêu cầu xem lại tội danh này nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo nhận tội và chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Văn Kh kháng cáo cho rằng không phạm tội “Buôn lậu” và “Đưa hối lộ”. Bị cáo S xin giảm án và bị cáo H1 xin hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án: Đối với hàng hóa, các bị cáo kê khai không đúng, không khai báo hải quan hoặc giả tài liệu chứng từ. Các bị cáo bị cáo khai 18 cont’ hàng là của Toàn, Quốc, Cường nhưng tại Cơ quan điều tra, những người này không thừa nhận và cũng không có tài liệu chứng cứ thể hiện 18 cont’ hàng này là của Toàn, Quốc, Cường; trong khi đó tài liệu thể hiện các Công ty của các bị cáo là người nhận hàng. Đối với sữa Ensure là mặt hàng nhập khẩu có điều kiện, hàng cho về kho chờ kiểm tra chất lượng mới được thông quan, các bị cáo gian dối đưa hàng ra thị trường tiêu thụ khi chưa được thông quan. Ngoài ra, các bị cáo còn khai báo gian dối đưa hàng hóa qua biên giới trái pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Buôn lậu” là đúng tội. Tại Cơ quan điều tra và tại cấp sơ thẩm các bị cáo đã thừa nhận hành vi đưa hối lộ, nay các bị cáo không thừa nhận nhưng bị cáo S là người nhận tiền đã khai nhận phù hợp với tài liệu Cơ quan điều tra thu

thập được nên quy kết bị cáo L, H, Kh phạm tội “Đưa hối lộ” là có căn cứ. Từ những căn cứ trên, bị cáo Kh cho rằng bị cáo không phạm tội, bị oan là không có căn cứ. Bị cáo L, H, T xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo S sau khi xét xử sơ thẩm nộp toàn bộ số tiền bị cáo đã nhận hối lộ, đã khắc phục hậu quả, có ông ngoại là liệt sỹ; bị cáo H1 hiện đang bị bệnh nặng là những tình tiết mới nên đề nghị giảm cho bị cáo S, H1 từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L, H cho rằng bản án sơ thẩm kết L suy diễn, chủ quan vì 18 cont’ hàng đưa từ nước ngoài về Việt Nam không có bên mua và bên bán. Các công ty mà các bị cáo làm thủ tục nhận hàng không phải là pháp nhân thuê hãng tàu vận chuyển hàng nên không có căn cứ kết L người nhận hàng chính là người buôn bán hàng lậu. Cơ quan điều tra không chứng minh được Quốc, Hưng là chủ hàng không đồng nghĩa với kết L số hàng trên của các bị cáo. Hành vi nhập khẩu sữa Ensure có lỗi của các cơ quan có thẩm quyền nên đề nghị miễn trách nhiệm hình sự đối với lô hàng này cho các bị cáo. Đối với hành vi nhập khẩu hàng hóa mỹ phẩm, thực phẩm không có căn cứ chứng minh các bị cáo phạm tội. Do đó, hành vi của các bị cáo không phạm tội “Buôn lậu”. Tại phiên tòa, các bị cáo L, H, Kh cũng không thừa nhận đưa tiền cho công chức hải quan để cho thông quan hàng hóa nên không có căn cứ buộc các bị cáo phạm tội đưa hối lộ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Kh cho rằng bị cáo có đồng phạm với bị cáo L trong việc nhập 12 cont’ hàng hay không thì còn nhiều mâu thuẫn vì tại phiên tòa bị cáo khai nhận không góp vốn thành lập Công ty, chỉ đứng tên dùm Công ty DCL, mọi hoạt động do bị cáo L điều hành, bị cáo chỉ là người đại diện cho Công ty nhận hàng. Đối với hành vi buôn lậu sữa Ensure, bị cáo không có liên quan, bị cáo chỉ là người đưa hồ sơ lên Trung tâm kiểm định, mang hàng đi tiêu thụ theo yêu cầu của bị cáo L nên hành vi của bị cáo chưa hội đủ yếu tố phạm tội. Hành vi đưa hối lộ của bị cáo chưa rõ ràng, nay bị cáo cũng không thừa nhận việc đưa tiền cho Công chức hải quan. Từ đó, đề nghị Hội đồng xem xét bị cáo không phạm tội, nếu không có căn cứ thì đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo một phần mức án, vì bị cáo chỉ là lái xe, là người làm công ăn lương, phạm tội do người khác sai khiến, cuộc sống bị lệ thuộc.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T cho rằng cấp sơ thẩm kết L bị cáo tham gia nhập 10 cont’ hàng là chưa phù hợp vì bị cáo chỉ giới thiệu Công ty để bị cáo L làm tờ khai, cấp sơ thẩm chưa làm rõ bị cáo thật sự nhập hàng trị giá bao nhiêu; hành vi của bị cáo chỉ vô tình giúp sức cho các bị cáo khác. Đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo S cho rằng bị cáo có ông ngoại là liệt sỹ; bị cáo có thành tích trong chiến đấu được tặng bằng khen; khi phạm tội bị cáo hạn chế nhận thức theo quy định tại điểm s, x, v, l khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo H1 cho rằng hiện bị cáo đang bị bệnh, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đề nghị cho bị cáo hưởng án treo để có cơ hội tiếp tục điều trị bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp phần bào chữa của các luật sư: Bị cáo H trực tiếp làm hồ sơ khai điện tử, làm thủ tục để nhập khẩu 12 cont' hàng, cũng tương tự bị cáo T làm thủ tục nhập 6 cont', bị cáo Kh giúp sức cho bị cáo H đi liên hệ, làm thủ tục và là người đại diện cho Công ty DCL nhận hàng, là hàng cấm nhập khẩu vào Việt Nam nên có đủ căn cứ kết L các bị cáo L, H, T, Kh phạm tội "Buôn lậu". Đối với sữa Ensure là mặt hàng nhập khẩu có điều kiện, chưa đủ điều kiện để nhập khẩu, đang chờ kiểm định và thông quan thì các bị cáo L, H, Kh mang đi tiêu thụ. Đối với mặt hàng thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, phụ gia và hóa chất tẩy rửa, các bị cáo khai báo không trung thực, không đúng và hàng hóa bị bắt giữ khi đang vận chuyển về kho. Hành vi của các bị cáo phạm tội "Buôn lậu" là có căn cứ. Tại phiên tòa, các bị cáo L, H, Kh không thừa nhận hành vi đưa hối lộ nhưng tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo S là người nhận tiền, để làm thủ tục thông quan nên lời bào chữa của các luật sư cho bị cáo và đơn kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Minh L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Cường Thành T, Nguyễn Hoàng S, Trần Văn H1 đúng luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các luật sư bào chữa cho bị cáo L, H, Kh và T cho rằng các bị cáo không phạm tội "Buôn lậu", Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được thể hiện từ ngày 21/8/2015 đến ngày 25/9/2015, các bị cáo khai báo, làm thủ tục nhập khẩu 18 cont' hàng hóa bị cấm nhập khẩu bao gồm: máy điều hòa, máy giặt, tủ lạnh, nồi cơm điện...cũ đã qua sử dụng. Công ty nhận hàng là Công ty DCL (11 cont'), Công ty Cao Dương (02 cont'), Công ty Khải Lợi (02 cont') và Công ty Jos T Nguyễn (03 cont') có tổng giá trị 9.540.976.264 đồng, do chính các bị cáo là người đại diện theo pháp luật của các công ty trên và do các bị cáo làm thủ tục khai nhận hàng. Luật sư bào

chữa cho các bị cáo cho rằng Cơ quan điều tra chưa chứng minh được bên bán hàng và bên mua hàng cũng như chưa chứng minh được chủ hàng là Quốc, Hưng nên chưa có cơ sở xác định các bị cáo phạm tội “Buôn lậu”, là chưa có căn cứ. Bởi vì, hàng hóa trong 18 cont’ là hàng hóa bị cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam, do đó, phải bằng những hành vi gian dối mới nhập khẩu được hàng vào Việt Nam nên không cần thiết phải chứng minh được bên bán và bên mua hàng hay bên thuê tàu vận chuyển hàng đưa vào Việt Nam mà chỉ cần xác định các bị cáo nhận hàng hóa cấm nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam thì hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Buôn lậu”.

Thứ hai, thực phẩm dinh dưỡng sữa Ensure là loại hàng hóa nhập khẩu có điều kiện, phải được Cơ quan kiểm tra an toàn thực phẩm kiểm tra chất lượng, đủ điều kiện mới cho nhập khẩu. Tuy nhiên, trong thời gian chờ kết quả kiểm tra chất lượng mới cho thông quan thì các bị cáo L, H, Kh mang ra thị trường tiêu thụ, trị giá hàng hóa vi phạm được xác định theo giá trị hải quan là 3.133.711.880 đồng.

Thứ ba, các bị cáo L, H, Kh lập hồ sơ, khai báo, làm thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hóa là thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm, phụ gia và hóa chất tẩy rửa... các bị cáo chỉ kê khai hàng hóa hải quan 5 mặt hàng, còn lại 96 mặt hàng không kê khai hàng hóa hải quan, đã bị Cơ quan công an bắt giữ trên đường đưa về kho tại 270 đường Lý Thường Kiệt, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị 6.407.264.890 đồng;

Tại phiên tòa, bị cáo Kh đã xác nhận bị cáo là người đại diện cho Công ty DCL nhận 11 cont’ hàng, bị cáo giúp sức cùng với bị cáo H đi làm hồ sơ, thủ tục đăng ký hải quan, nhập khẩu hàng hóa và mang sữa Ensure đi tiêu thụ.

Từ những phân tích trên, hành vi của các bị cáo L, H, Kh và T đã cấu thành tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như cấp sơ thẩm đã quy kết là có căn cứ, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L, H, T về tội “Buôn lậu” thì thấy: Trong vụ án buôn lậu, cấp sơ thẩm xác định bị cáo L là kẻ cầm đầu đứng ra thành lập Công ty ABC (thuê Nguyễn Trung Kiệt làm giám đốc), Công ty DCL (thuê Huỳnh Kim Dũng làm giám đốc), mọi điều hành của hai Công ty này do bị cáo L thực hiện. Bị cáo L chỉ đạo bị cáo H, Kh kê khai, nhập khẩu 11 cont’ và cùng bị cáo T (Giám đốc Công ty Jos T Nguyễn) kê khai, nhập khẩu 07 cont’ hàng cấm nhập khẩu là hàng điện tử, hàng điện lạnh đã qua sử dụng, từ nước ngoài nhập về Việt Nam tiêu thụ; bị cáo L gian dối không kê khai hàng hóa hải quan 96 mặt hàng và tiêu thụ hàng hóa là thực phẩm dinh dưỡng sữa Ensure khi chưa kiểm tra

chất lượng an toàn thực phẩm để thông quan, có tổng giá trị hàng hóa phạm pháp như cấp sơ thẩm xác định trên 16 tỷ đồng là đặc biệt lớn.

Bị cáo H tham gia vụ án với vai trò đồng phạm, bị cáo giúp sức cho bị cáo L tích cực nhất, từ việc thành lập các Công ty, làm kế toán Công ty, trực tiếp nhận chỉ đạo và thực hiện sự điều hành của bị cáo L, làm hồ sơ chứng từ, kê khai nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam để tiêu thụ.

Bị cáo T dù biết hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng không cho nhập khẩu vào Việt Nam nhưng bị cáo T đã cung cấp thông tin Công ty Cao Dương, Công ty Khải Lợi cho bị cáo Hà làm thủ tục kê khai nhập khẩu 04 cont'. Ngoài ra, bị cáo T còn dùng Công ty Jos T Nguyễn do bị cáo T làm giám đốc nhập khẩu 03 cont' nên bị cáo T đã giúp sức tích cực cho bị cáo L nhập khẩu tổng cộng 07 cont' hàng hóa phạm pháp trị giá trên 05 tỷ đồng cũng đặc biệt lớn.

Cấp sơ thẩm xác định hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến pháp luật của Nhà nước về buôn bán hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam, gây tác hại xấu đến sự ổn định và phát triển lành mạnh nền kinh tế của đất nước. Các bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì vụ lợi các bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện việc xem thường pháp luật. Trong vụ án này bị cáo L, H, Kh phạm tội 02 lần trở lên nên cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo là có căn cứ. Đồng thời cấp sơ thẩm cũng xác định bị cáo L, H, Kh, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo L đang bị bệnh tim nên đã áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo. Sau khi phạm tội, bị cáo T nộp lại số tiền thu lợi có được nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo T là có căn cứ. Bị cáo H, Kh, T phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L nên cấp sơ thẩm đã phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa phù hợp. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L 13 năm tù về tội “Buôn lậu” là nhẹ, đã chiếu cố cho bị cáo; xử phạt bị cáo H 11 năm tù, bị cáo Kh 10 năm tù, bị cáo T 09 năm tù về tội “Buôn lậu” là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, vì vậy không có căn cứ để tiếp tục giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3]. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo L, H và Kh không thừa nhận hành vi giao tiền cho bị cáo Kh, để bị cáo Kh giao cho các Công chức hải quan

giúp làm thủ tục thông quan hàng hóa nhưng tại phiên tòa, bị cáo S là công chức hải quan đã xác nhận có nhận tiền của bị cáo Kh để làm thủ tục thông quan 2 tờ khai số 86308 và 86310 của Công ty Bảo Trí; phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra. Bị cáo H1 là Công chức Hải quan cùng làm nhiệm vụ kiểm hóa chung đã đồng ý để bị cáo S xác nhận thông quan trái quy định pháp luật cho 2 lô hàng này đã gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước trong lĩnh vực hải quan, thị trường kinh doanh hàng hóa là điều kiện để Công ty Bảo Trí lợi dụng nhập khẩu trái phép hàng hóa.

Cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo L, H, Kh phạm tội “Đưa hối lộ”, bị cáo S phạm tội “Nhận hối lộ” và bị cáo H1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 364, khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và xử phạt bị cáo L 01 năm tù, bị cáo H và Kh mỗi bị cáo 9 tháng tù về tội “Đưa hối lộ”; xử phạt bị cáo S 03 năm tù về tội “Nhận hối lộ” và bị cáo H1 02 năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo S cung cấp tài liệu mới như: Bị cáo có thời gian tham gia quân đội, công tác trong cơ quan nhà nước được tặng Bằng khen; có cha mẹ là người có công Cách mạng; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo nộp thêm 58.000.000 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mới theo điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, là những căn cứ để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo H1 khi phạm tội không liên quan đến vụ lợi, mà do cả nể, quen biết trước đó, thiếu kiểm tra nhưng lại đồng ý để bị cáo S xác nhận thông quan 2 lô hàng trái pháp luật; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, hiện đang bị bệnh hội chứng thận hư, rối loạn mỡ máu phải điều trị nên không cần thiết phải đưa bị cáo H1 đi tập trung cải tạo mà giao về địa phương quản lý, giáo dục theo Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, lời bào chữa của các luật sư cho bị cáo S, H1 phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; không chấp nhận lời bào chữa của các luật sư bào chữa cho các bị cáo L, Hà, Kh, T. Do đó, bác toàn bộ đơn kháng cáo của các bị cáo L, H, Kh, T và tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm thi hành án; chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo S, H1; sửa một phần bản án sơ thẩm.

Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Văn Kh (Th), Nguyễn Cường Thành T; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng S, Trần Văn H1; sửa một phần Bản án sơ thẩm như sau:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; khoản 1 Điều 364; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh L 13 (mười ba) năm tù về tội: “Buôn lậu”; 01 (một) năm tù về tội: “Đưa hối lộ”; Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Trần Minh L phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày 08/7/2016.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; khoản 1 Điều 364; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 11 (mười một) năm tù về tội: “Buôn lậu”; 09 (chín) tháng tù về tội: “Đưa hối lộ”; Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải chấp hành là 11 (mười) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày 17/12/2019, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 22/12/2017.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; khoản 1 Điều 364; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Kh (Th) 10 (mười) năm tù về tội: “Buôn lậu”; 09 (chín) tháng tù về tội: “Đưa hối lộ”; Tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Nguyễn Văn Kh phải chấp hành là 10 (mười) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày 20/12/2019, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2016 đến ngày 22/12/2017.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Cường Thành T 09 (chín) năm tù về tội: “Buôn lậu”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày 03/01/2020, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2017 đến ngày 10/10/2017.

Căn cứ vào Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Minh L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Văn Kh (Th), Nguyễn Cường Thành T theo quyết định của Hội đồng xét xử để bảo đảm thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 354; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng S 02 (hai) năm tù về tội: “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù Th từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/7/2017 đến ngày 22/12/2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H1 02 (hai) năm tù về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, Th từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 29/5/2020.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Trần Minh L, Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Cường Thành T mỗi bị cáo chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 29/5/2020./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh(1);
- CA TP Hồ Chí Minh (1);
- Sở tư pháp TP Hồ Chí Minh (1);
- Trại tạm giam Công an TP Hồ Chí Minh (5) (để tổng đạt cho 4 bc)
- Bị cáo TN (2);
- Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Lưu HS (1) VT(6) 23b-PTHH.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Ý

